TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày: 22-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lưu Thị Hồng Thảo;

Ông Ngô Quốc Tiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 66/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N3.

Địa chỉ: Số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu M, chức vụ Phó giám đốc Ngân hàng N3 chi nhánh T4, Sóc Trăng (có mặt).

Địa chỉ: Số A ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:*

1. Bà Phạm Thị M1, sinh năm 1959 (có mặt);

2. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1958 (vắng mặt);

3. Bà Huỳnh Thị Hồng N, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị N1 (vắng mặt);

2. Ông Hồ Văn P (vắng mặt);

3. Ông Hồ Văn N2 (vắng mặt);

4. Bà Hồ Thị Anh T1 (vắng mặt);

5. Ông Hồ Thanh L (vắng mặt);

6. Ông Hồ Văn C (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

7. Bà Hồ Thị T2 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

8. Bà Hồ Thị T3 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên toà:*

Do có nhu cầu vay vốn để nuôi tôm, bà Phạm Thị M1, ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị Hồng N có ký 2 Hợp đồng tín dụng số 7608LAV201801194/HĐTD ngày 01/10/2018 và số 7608LAV201802003/HĐTD ngày 21/12/2018 với Ngân hàng N3, chi nhánh T5. Tổng số tiền vay được nhận là 240.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà Phạm Thị M1, ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị Hồng N đã dùng tài sản của mình để thế chấp cho Ngân hàng N3, chi nhánh T5: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7608LCP201800437/HĐTC ngày 28/9/2018 giữa Ngân hàng N3 chi nhánh T5 và bà Phạm Thị M1, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Hồng N. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 53, 52, 51, 47, 48, tờ bản đồ số 4, diện tích 31.380 m^2, loại đất thổ cư 300m2 + LNK 19.850m^2 + đất mùa 11.230 m^2, địa chỉ đất ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B710685 số vào sổ cấp giấy 00031 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 23 tháng 5 năm 1994 cấp cho ông Huỳnh Văn T đứng tên.

Trong thời gian thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà Phạm Thị M1, ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị Hồng N đã vi phạm thời hạn trả nợ, để phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 20/11/2019.

Nay Ngân hàng N3 yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Phạm Thị M1, ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị Hồng N trả nợ gốc và lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số 7608LAV201801194/HĐTD ngày 01/10/2018 và số 7608LAV201802003/HĐTD ngày 21/12/2018 cho Ngân hàng N3, tính đến ngày 23/3/2023 tổng số nợ là 319.246.709 đồng, trong đó số tiền gốc là 239.000.000 đồng,

lãi là 80.246.709 đồng và yêu cầu trả lãi phát sinh sau ngày 22/3/2023 đến ngày trả hết nợ.

Trong trường hợp bà Phạm Thị M1, ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị Hồng N không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng N3 thì đề nghị Tòa án tuyên cho Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 53, 52 cùng tờ bản đồ số 4, diện tích 15.220 m^2, địa chỉ đất ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B710685, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00031 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/5/1994 cho ông Huỳnh Văn T.

Đối với thửa đất số 51, 47, 48 cùng tờ bản đồ số 4, địa chỉ đất ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B710685, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00031 do UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/5/1994 cho ông Huỳnh Văn T thì Ngân hàng N3 yêu cầu rút lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại các phiên hòa giải và tại phiên toà, bị đơn bà Phạm Thị M1 trình bày:

Bà thống nhất bà có ký với Ngân hàng N3 chi nhánh T4 2 Hợp đồng tín dụng là hợp đồng số 7608LAV201801194/HĐTD ngày 01/10/2018 và số 7608LAV201802003/HĐTD ngày 21/12/2018. Tổng số tiền vay được nhận là 240.000.000 đồng. Sau khi vay bà trả được nợ gốc là 1.000.000 đồng.

Nay bà thống nhất tính đến ngày 23/3/2023 tổng số nợ là 319.246.709 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 239.000.000 đồng, nợ lãi là 80.246.709 đồng và bà đồng ý trả lãi phát sinh sau ngày 23/3/2023 cho đến ngày trả hết nợ. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh gia đình bà khó khăn không có khả năng trả một lần hết số nợ, bà xin trả dần và khi nào có tiền thì bà trả.

Trong trường hợp bà không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì bà đồng ý để Ngân hàng N3 yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 53, 52 cùng tờ bản đồ số 4, diện tích 15.220 m^2, địa chỉ đất ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B710685, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00031 do UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/5/1994 cho ông Huỳnh Văn T để ngân hàng thu hồi nợ.

- Tại phiên hoà giải ngày 08 tháng 12 năm 2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất bà đang sử dụng hiện nay là do vào năm 1994 bà mua của ông Huỳnh Văn T, diện tích cụ thể và thuộc thửa nào bà không biết nhưng đối với phần đất bà đang sử dụng thì bà không đồng ý phát mãi theo như yêu cầu của ngân hàng. Vào năm 2004, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên có xét xử vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn T và ông Hồ Văn D là chồng bà. Nhưng vụ án có kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã hủy bản án của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, cụ thể như thế nào thì bà không nhớ, bà cũng không có giấy tờ tài liệu nào còn lưu lại.

- Tại phiên hoà giải ngày 08 tháng 12 năm 2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn P trình bày: Thống nhất theo ý kiến bà N1.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Hồng N và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn N2, ông Hồ Thanh L, bà Hồ Thị Anh T1, ông Hồ Văn C, bà Hồ Thị T2, bà Hồ Thị T3:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà vắng mặt và không thể hiện ý kiến bằng văn bản cho Toà án.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đại diện nguyên đơn và bị đơn bà Phạm Thị M1 đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Còn đối với bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Hồng N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn N2, ông Hồ Thanh L, bà Hồ Thị Anh T1, ông Hồ Văn C, bà Hồ Thị T2, bà Hồ Thị T3 chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn bà Phạm Thị M1, ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị Hồng N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N3 tổng số tiền còn nợ là 319.246.709 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 239.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 23/3/2023 là 80.246.709 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Trường hợp bà Phạm Thị M1, ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị Hồng N không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng N3 thì đề nghị Tòa án tuyên cho Ngân hàng được quyền phát mãi các tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 53, 52 cùng tờ bản đồ số 4, diện tích 15.220 m^2, địa chỉ đất ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B710685, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00031 do UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/5/1994 cho ông Huỳnh Văn T để ngân hàng thu hồi nợ.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu phát mãi tài sản của Ngân hàng N3 đối với thửa đất số 51, 47, 48, cùng tờ bản đồ số 8, diện tích 16.160 m^2, địa chỉ đất ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận QSD đất số B710685, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00031 do UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/5/1994 cho ông Huỳnh Văn T.

Đề nghị tuyên án phí, chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Xét thấy bị đơn ông ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Hồng N và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N1, ông Hồ văn P1, ông Hồ Văn N2, ông Hồ Thanh L, bà Hồ Thị Anh T1, ông Hồ Văn C, bà Hồ Thị T2, bà Hồ Thị T3 đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án tuyên quyền phát mãi tài sản đối với thửa đất số 51, 47, 48, cùng tờ bản đồ số 8, diện tích 16.160 m^2, địa chỉ đất ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu phát mãi tài sản của Ngân hàng N3 đối với thửa đất số 51, 47, 48, cùng tờ bản đồ số 8, diện tích 16.160 m^2, địa chỉ đất ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu đã rút theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N3 về việc trả số tiền vay:

Ngân hàng N3 yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn bà M1, ông T và bà N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N3 tổng số tiền còn nợ là 319.246.709 đồng, trong đó số tiền gốc là 239.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 23/3/2023 là 80.246.709 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng đến khi thanh toán xong nợ.

Chứng cứ Ngân hàng N3 đưa ra là Hợp đồng tín dụng số 7608LAV201801194/HĐTD ngày 01/10/2018 và số 7608LAV201802003/HĐTD ngày 21/12/2018, giấy nhận nợ, báo cáo đề xuất giải ngân, Hợp đồng thế chấp 7608LCP201800437/HĐTC ngày 28/9/2018, Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp 19/10/2018. Tại các phiên hoà giải và tại phiên toà, bị đơn bà M1 cũng thống nhất thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và còn nợ lại số tiền như đại diện nguyên đơn trình bày. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của đại diện nguyên đơn và chứng cứ nguyên đưa ra là có căn cứ và nguyên đơn không cần phải chứng minh.

Nhận thấy khi thực hiện thỏa thuận vay tài sản, nguyên đơn Ngân hàng N3 đã thực hiện việc giao đầy đủ số tiền như cam kết cho bị đơn, nhưng bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền vay cho nguyên đơn khi đến hạn, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của nguyên đơn, vi phạm hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, thỏa thuận và vi phạm Điều 95 Luật tổ chức tín dụng. Do đó nguyên đơn Ngân hàng N3 yêu cầu bị đơn bà M1, ông T bà N thanh toán số tiền nợ gốc là 239.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Về tiền lãi: Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn theo thoả thuận trong hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Số tiền lãi bị đơn phải trả tính đến 22/3/2023 là 80.246.709 đồng, trong đó lãi trong hạn là 73.653.423 đồng, lãi quá hạn là 6.593.286 đồng và bà M1, ông T, bà N phải trả lãi phát sinh sau ngày 22/3/2023 theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày trả hết nợ.

[4] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7608LCP201800437/HĐTC ngày 28/9/2018. Đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên cho ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp tại thửa đất số 53, 52 cùng tờ bản đồ số 4, diện tích 15.220 m^2, địa chỉ đất ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Nhận thấy hợp đồng thế chấp đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M đúng theo quy định. Vì vậy, trong trường hợp bà M1, ông T, bà N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng N3 yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 700.000 đồng, bà M1, ông T, bà N phải liên đới chịu. Do Ngân hàng N3 đã nộp tạm ứng trước nên bà M1, ông T, bà N phải có nghĩa vụ liên đới nộp 700.000 đồng để trả lại cho Ngân hàng N3, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà M1, ông T, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.962.300 đồng (tương ứng với 5% phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận). Tuy nhiên, bà M1, sinh năm 1959, ông T sinh năm 1958, là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn yêu cầu miễn nộp tiền án phí nên bà M1, ông T thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà N phải chịu án phí là 5.320.700 đồng.

Ngân hàng N3 không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 244, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N3 đối với bị đơn bà Phạm Thị M1, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Hồng N.

1. Buộc bị đơn bà Phạm Thị M1, ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị Hồng N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng ngông nghiệp và phát triển nông thông Việt Nam tổng số tiền còn nợ là 319.246.709 đồng (ba trăm mười chín triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, bảy trăm linh chín đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 239.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 23/3/2023 là 80.246.709 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7608LAV201801194/HĐTD ngày 01/10/2018 và số 7608LAV201802003/HĐTD ngày 21/12/2018.

2. Trong trường hợp bà Phạm Thị M1, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Hồng N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng N3 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7608LCP201800437/HĐTC ngày 28/9/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 53, 52 cùng tờ bản đồ số 4, diện tích 15.220 m^2, địa chỉ đất ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B710685, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00031 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/5/1994 cho ông Huỳnh Văn T để ngân hàng thu hồi nợ.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phát mãi tài sản của Ngân hàng N3 đối với thửa đất số 51, 47, 48, cùng tờ bản đồ số 8, tổng diện tích 16.160 m^2, địa chỉ đất ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B710685, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00031 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/5/1994 cho ông Huỳnh Văn T.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Phạm Thị M1, ông Huỳnh Văn T được miễn nộp tiền án phí.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.320.700 đồng (Năm triệu, ba trăm hai mươi nghìn, bảy trăm đồng).

Ngân hàng N3 không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.355.000 đồng (Bảy triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0009993 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị M1, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Hồng N phải liên đới nộp chi phí tố tụng là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng N3, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự, đại diện ĐS;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Mến